

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34 /2021/DS-PT

Ngày: 29-10-2021

V/v: "Tranh chấp hợp đồng bảo hiểm"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đức Long

Các Thẩm phán: Ông Trần Hữu Sỹ và ông Nguyễn Văn Nghĩa

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Như Ngọc - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân Quảng Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 14/2021/TLPT-DS ngày 16 tháng 4 năm 2021, về việc "Tranh chấp hợp đồng bảo hiểm", do Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2019/DS-ST ngày 16 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới bị kháng cáo,

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1540/2021/QĐ-PT ngày 12/8/2021, giữa các đương sự:

1- *Nguyên đơn:* Anh Phạm Ngọc C, sinh năm 1994; địa chỉ: Thôn T, xã C, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.

2- *Bị đơn:* Tổng công ty Bảo hiểm B; Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Xuân V - Tổng giám đốc.

Người được đại diện theo pháp luật của bị đơn uỷ quyền:

- Ông Nguyễn Văn P, chức vụ: Giám đốc Ban giám định bồi thường hàng hải;

- Bà Trương Thanh T,

- Ông Trần Mạnh H, chức vụ: Chuyên viên giám định Ban bồi thường hàng hải

Địa chỉ trụ sở : Số 104, phố T, phường C, quận H, thành phố Hà Nội

- Ông Dương Anh D, chức vụ: Giám đốc Công ty B chi nhánh Quảng Bình.
(các người đại diện theo ủy quyền đều có mặt)

3- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Anh Phạm Ngọc H, sinh năm 1992, địa chỉ: Thôn Y, xã C, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.

4- *Người làm chứng:*

- Công ty Cổ phần thương mại H; đại diện theo pháp luật: Ông Trần Hùng N - Giám đốc; địa chỉ: Số 41/80, phường H, quận H, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

- Ông Trần Nguyễn Trường S (Nguyên Phó giám đốc công ty B – chi nhánh Quảng Bình), hiện là Phó giám đốc B tỉnh Quảng Trị; địa chỉ cơ quan: Số 61, H, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị, có đơn xin vắng mặt.

- Ông Nguyễn Đình H - Cán bộ Công ty B chi nhánh Quảng Bình; địa chỉ cơ quan: Đường P, phường N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.

- Ông Hồ Quang H, sinh năm 1960; đại lý bảo hiểm B Quảng Bình; địa chỉ: Thôn T, xã C, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.

- Ông Nguyễn Văn H, địa chỉ: thôn C, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.

- Ông Nguyễn Hữu T, địa chỉ: tổ dân phố B, phường K, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh, vắng mặt.

Người kháng cáo: Tổng công ty Bảo hiểm B là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện của nguyên đơn anh Phạm Ngọc C, lời khai của nguyên đơn, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà có chung ý kiến trình bày như sau:*

Tàu cá có số đăng ký QB-93192-TS, chủ tàu là anh Phạm Ngọc H đã ký hợp đồng bảo hiểm tàu cá số QBI.D0.06.TC.17.HDDE ngày 22/6/2017 với Công ty B Quảng Bình (sau đây gọi là B Quảng Bình), hiệu lực của hợp đồng là 01 năm kể từ ngày 22/6/2017 đến ngày 22/6/2018, nội dung: bao gồm bảo hiểm thân tàu và bảo hiểm thuyền viên; mức phí bảo hiểm thân tàu là 90.000.000 đồng, mức phí bảo hiểm thuyền viên 450.000 đồng/người/năm, số lượng thuyền viên 06 người là 2.700.000 đồng, tổng phí bảo hiểm hai khoản là 92.700.000đ; phí bảo hiểm thân tàu được thanh toán 02 kỳ, kỳ 01 thanh toán 50% phí bảo hiểm thân tàu chậm nhất kể từ ngày có hiệu lực bảo hiểm với số tiền 45.000.000 đồng, kỳ 02 thanh toán 50% phí bảo hiểm thân tàu còn lại sau 06 tháng (không quá 180 ngày) kể từ ngày có hiệu lực bảo hiểm với số tiền 45.000.000 đồng; phí bảo hiểm 06 thuyền viên là 2.700.000 đồng được thanh toán 100% chậm nhất kể từ ngày có hiệu lực bảo hiểm. Ngày 22/6/2017, anh H đã nộp tiền phí bảo hiểm kỳ 01 là 45.000.000 đồng và phí bảo hiểm thuyền viên 2.700.000đ và được B Quảng Bình cấp Giấy chứng nhận bảo hiểm tàu cá (thân tàu) số 363 số tiền được bảo hiểm 3.000.000.000 đồng và Giấy chứng nhận bảo hiểm tàu

cá (thuyền viên) số 364 với số lượng 06 thuyền viên, số tiền được bảo hiểm 30.000.000 đồng/người/vụ.

Ngày 05/9/2017, anh Phạm Ngọc H ký chuyển nhượng tàu cá nói trên cho em trai là Phạm Ngọc C. Sau khi tiến hành xong thủ tục chuyển nhượng, ngày 18/9/2017 anh Phạm Ngọc C được Chi cục Thủy sản tỉnh Quảng Bình cấp Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá số 7053 và số đăng ký tàu cá giữ nguyên số cũ là QB-93192-TS. Ngày 20/9/2017 anh C được B Quảng Bình cấp Giấy chứng nhận bảo hiểm tàu cá số 363, có hiệu lực từ 8 giờ ngày 21/6/2017 đến 8 giờ ngày 21/6/2018, nội dung Giấy chứng nhận bảo hiểm gồm: Bảo hiểm thân tàu, với số tiền được bảo hiểm 3.000.000.000 đồng, phí bảo hiểm 90.000.000 đồng và bảo hiểm thuyền viên cho 07 thuyền viên, phí bảo hiểm là 3.150.000 đồng (450.000 đồng/người), với số tiền được bảo hiểm 30.000.000 đồng/người/vụ.

Vào hồi 9 giờ ngày 08/01/2018, tàu cá QB-93192-TS do anh C làm chủ trên đường đánh bắt hải sản vùng biển ngoài khơi Việt Nam về đất liền để bán hải sản. Khi đến toạ độ $17^{\circ}49'00N + 106^{\circ}40'00E$, cách cửa sông G thuộc thị xã B, tỉnh Quảng Bình 10 hải lý thì bị tàu hàng H 86 Hải Phòng đâm chìm, mất hoàn toàn. Sự việc đã được Bộ đội Biên phòng Cảng G lập biên bản điều tra vụ việc va chạm. Sau đó do có sự bảo lãnh của B, qua thương lượng, ngày 28/02/2018 phía tàu H 86 Hải Phòng đã đồng ý hỗ trợ cho anh C chủ tàu QB-93192-TS bị tổn thất với số tiền 1.240.000.000 đồng. Sau khi vụ tai nạn xảy ra, anh C chủ tàu cá QB-93192-TS đã báo cáo cho cán bộ khai thác của B Quảng Bình biết (thông qua ông H là đại lý và ông H là cán bộ B Quảng Bình), gặp lãnh đạo B Quảng Bình trực tiếp báo cáo và làm mọi thủ tục cần thiết để yêu cầu thanh toán bảo hiểm theo Giấy chứng nhận bảo hiểm. Qua thương lượng B Quảng Bình đã chấp nhận bồi thường cho các thuyền viên, còn bảo hiểm thân tàu Bảo Việt Quảng Bình không chấp nhận bồi thường.

Trong quá trình làm thủ tục để yêu cầu bồi thường, B Quảng Bình mới xuất trình cho anh C 02 văn bản cùng ngày, gồm: Văn bản số 528 ngày 11/12/2017 thông báo thu phí bảo hiểm lần 2 gửi cho anh Phạm Ngọc H và Văn bản số 532 ngày 11/12/2017 về việc chấm dứt hiệu lực bảo hiểm tàu cá với anh Phạm Ngọc H. Tại Công văn số 468 ngày 06/9/2018 của B Quảng Bình cho rằng: Khi Công ty B cấp Giấy chứng nhận bảo hiểm cho anh C thì sự kiện tai nạn tàu cá đã xảy ra, do đó hợp đồng bảo hiểm vô hiệu.

Anh Phạm Ngọc C khởi kiện Tổng Công ty B: Buộc Tổng Công ty B bồi thường tiền bảo hiểm tàu cá với số tiền: 3.000.000.000đ (ba tỷ đồng) và khoản lãi suất theo quy định của pháp luật, kể từ ngày phát sinh nghĩa vụ trả tiền bảo hiểm, cho đến ngày trả xong số tiền trên.

** Bị đơn Tổng Công ty Bảo hiểm B trình bày trong các văn bản đề ngày 22/01/2019, ngày 22/02/2019 gửi cho Tòa án và ý kiến trình bày tại phiên tòa như sau: B Quảng Bình (là công ty thành viên hạch toán phụ thuộc của Tổng Công ty Bảo*

hiểm B) có ký Hợp đồng bảo hiểm tàu cá số QBI.D0.06.TC.17.HĐ 199E92 ngày 22/6/2017 với anh Phạm Ngọc H chủ tàu cá QB-93192-TS có địa chỉ tại: xã C, huyện Q, tỉnh Quảng Bình và đã cấp Giấy chứng nhận bảo hiểm số 363 ngày 22/6/2017 cho anh H (các thông tin về nội dung hợp đồng bảo hiểm và Giấy chứng nhận bảo hiểm với anh H trùng với ý kiến trình bày của nguyên đơn). Do anh H không đóng phí bảo hiểm kỳ 02, nên B không chấp nhận yêu cầu bồi thường tiền bảo hiểm cho tàu cá QB-93192-TS, bởi những lý do và căn cứ sau: Căn cứ điểm 4 khoản 1 Điều 2 Hợp đồng bảo hiểm tàu cá quy định cụ thể 2 kỳ thanh toán và thời hạn từng kỳ thanh toán phí bảo hiểm, theo đó đến ngày 22/12/2017 là ngày cuối cùng anh H đã không thanh toán phí bảo hiểm kỳ 2, nên từ 0 giờ 00 phút ngày 23/12/2017 Hợp đồng bảo hiểm nêu trên đã chấm dứt hiệu lực theo quy định tại khoản 2 Điều 23 Luật kinh doanh bảo hiểm: "...Bên mua bảo hiểm không đóng đủ phí bảo hiểm hoặc không đóng phí bảo hiểm theo thời hạn thoả thuận trong hợp đồng bảo hiểm, trừ trường hợp các bên có thoả thuận khác" và tại điểm 4 khoản 1 Điều 2 Hợp đồng bảo hiểm quy định: "Trường hợp đến thời hạn thanh toán phí bảo hiểm chủ tàu không thực hiện thanh toán đúng hạn thì Hợp đồng bảo hiểm mặc nhiên chấm dứt hiệu lực bảo hiểm và Giấy chứng nhận bảo hiểm không còn giá trị (trừ trường hợp được Bảo Việt đồng ý bằng văn bản)".

Theo đơn khởi kiện của anh C thì ngày 05/9/2017 anh C nhận chuyển nhượng tàu cá từ anh H và đã được B Quảng Bình cấp Giấy chứng nhận bảo hiểm số 363 ngày 20/9/2017. Việc anh C nhận chuyển nhượng tàu cá QB-93192-TS từ anh H (là tàu đang có Hợp đồng bảo hiểm đã ký với B Quảng Bình ngày 22/6/2017) nhưng anh H không có văn bản thông báo cho B Quảng Bình biết, vì vậy việc chuyển nhượng này không có hiệu lực vì đã vi phạm Điều 26 của Luật kinh doanh bảo hiểm.

Về việc cấp Giấy chứng nhận bảo hiểm số 363 ngày 20/9/2017 cho anh C: Theo tường trình của ông Hồ Quang H (đại lý bảo hiểm của B Quảng Bình): Sau khoảng 3 ngày xảy ra tai nạn tàu cá QB-93192-TS, anh C có nộp cho Cảng vụ Cảng G Hợp đồng bảo hiểm và Giấy chứng nhận bảo hiểm mang tên anh Phạm Ngọc H để làm thủ tục yêu cầu tàu H 86 bồi thường. Do tên trong Hợp đồng bảo hiểm và giấy chứng nhận bảo hiểm không đúng với tên trong Giấy chứng nhận chủ tàu nên Cảng vụ yêu cầu làm lại. Sau khoảng 1 tuần vụ tai nạn xảy ra, vợ chồng bà D (bố mẹ của anh H và anh C) đến nhà riêng gặp ông H xin cấp lại giấy chứng nhận bảo hiểm mang tên anh C và ghi ngày cấp giấy chứng nhận này là ngày 20/9/2017 nhằm phù hợp với ngày cấp giấy chứng nhận tàu cá mang tên anh C (ngày 18/9/2017) để nộp cho Cảng vụ. Vì trong lúc ngư dân gặp hoạn nạn nên ông H đã lấy một bản giấy chứng nhận bảo hiểm không chỉ (có sẵn chữ ký và con dấu của B Quảng Bình); dựa vào bản phôi của giấy chứng nhận bảo hiểm cũ mang tên anh H để viết lại giấy chứng nhận bảo hiểm mang tên anh C. Việc làm này là do cá nhân ông H tự ý làm mà không báo cáo xin ý kiến B Quảng Bình. Việc anh C có "Giấy chứng nhận bảo hiểm số 363 ngày 20/9/2017" cũng chưa thể coi là đủ điều kiện để được bồi thường bảo hiểm vì theo

quy định tại khoản 2 Điều 13 Quy tắc bảo hiểm tàu cá ban hành theo QĐ số 5373/QĐ-BHBV, ngày 16/11/2016 của Tổng Giám đốc Tổng công ty Bảo hiểm B (sau đây gọi là Quy tắc bảo hiểm tàu cá) thì trường hợp này giấy chứng nhận bảo hiểm chưa có hiệu lực pháp luật do chưa đóng phí. Bởi các căn cứ sau: "Điều 13: Gia hạn hợp đồng bảo hiểm và hiệu lực bảo hiểm: Trong mọi trường hợp mặc dù Bảo Việt đã chấp nhận bảo hiểm và đã cấp giấy chứng nhận bảo hiểm hoặc giấy sửa đổi, bổ sung (nếu có) cho người được bảo hiểm, hiệu lực bảo hiểm của tàu sẽ tự động chấm dứt ngay sau khi phát sinh một trong những trường hợp sau: Người được bảo hiểm không thanh toán phí bảo hiểm đầy đủ và đúng hạn theo quy định tại điểm 2 Điều 17 Quy tắc này (trừ khi có thoả thuận khác bằng văn bản). Tàu được chuyển chủ (trừ khi có thoả thuận khác bằng văn bản)". Điểm 2 Điều 17 Quy tắc bảo hiểm tàu cá quy định: "Đối với những tàu bảo hiểm theo thời hạn 01 năm, phí bảo hiểm được thanh toán làm một kỳ hoặc nhiều kỳ theo thoả thuận giữa người được bảo hiểm và Bảo Việt nhưng nhiều nhất không quá 4 kỳ (3 tháng một kỳ) và được thanh toán theo quy định cụ thể ghi trên giấy chứng nhận bảo hiểm, hợp đồng bảo hiểm hoặc thông báo thu phí bảo hiểm". Điều 12 Quy tắc bảo hiểm tàu cá cũng quy định: "Hiệu lực bảo hiểm bắt đầu và kết thúc theo thời gian ghi trên giấy chứng nhận bảo hiểm, nhưng với điều kiện người được bảo hiểm đã thanh toán phí đầy đủ và đúng hạn theo quy định ở điểm 2 Điều 17". Đối với bảo hiểm thuyền viên, do anh H đã nộp đầy đủ phí bảo hiểm nên Bảo Việt chấp nhận bồi thường theo hợp đồng và giấy chứng nhận bảo hiểm.

Với các lý do nêu trên, Tổng công ty Bảo hiểm B không chấp nhận yêu cầu bồi thường tiền bảo hiểm tàu cá cho anh Phạm Ngọc C số tiền: 3.000.000.000 đồng (ba tỷ đồng) và tiền lãi suất phát sinh từ việc bồi thường bảo hiểm tàu cá.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Anh Phạm Ngọc H trình bày: Tàu cá có số đăng ký QB-93192-TS, chủ tàu là anh H đã ký Hợp đồng bảo hiểm tàu cá số QBI.D0.06.TC.17.HDDE ngày 22/6/2017 với B Quảng Bình; hiệu lực của hợp đồng là 01 năm, kể từ ngày 22/6/2017 đến ngày 22/6/2018; bao gồm bảo hiểm thân tàu và bảo hiểm thuyền viên; mức phí bảo hiểm thân tàu là 90.000.000 đồng, mức phí bảo hiểm thuyền viên 450.000 đồng/người/năm, số lượng 06 người là 2.700.000 đồng, tổng phí bảo hiểm là 92.700.000đ; phí bảo hiểm thân tàu được thanh toán 02 kỳ, kỳ 01 thanh toán 50% phí bảo hiểm thân tàu chậm nhất kể từ ngày có hiệu lực bảo hiểm với số tiền 45.000.000 đồng, kỳ 02 thanh toán 50% phí bảo hiểm thân tàu còn lại sau 06 tháng (không quá 180 ngày) kể từ ngày có hiệu lực bảo hiểm với số tiền 45.000.000 đồng; đối với phí bảo hiểm thuyền viên 2.700.000 đồng được thanh toán 100% phí bảo hiểm chậm nhất kể từ ngày có hiệu lực bảo hiểm. Ngày 22/6/2017, anh H đã nộp tiền phí bảo hiểm kỳ 01 là 47.700.000đ (bao gồm phí bảo hiểm thân tàu kỳ 01 là 45.000.000 đồng và phí bảo hiểm thuyền viên 2.700.000 đồng) và được B Quảng Bình cấp cho anh H Giấy chứng nhận bảo hiểm tàu cá (thân tàu) số 363 với số tiền được bảo hiểm 3.000.000.000 đồng và Giấy chứng nhận bảo hiểm tàu cá (thuyền viên) số 364 với số thuyền viên 06 người và số tiền được bảo hiểm 30.000.000

đồng/người/vụ. Ngày 05/9/2017, anh H đã chuyển nhượng tàu cá nói trên cho em trai là Phạm Ngọc C, sau khi tiến hành xong thủ tục chuyển nhượng, ngày 18/9/2017 anh C được Chi cục Thủy sản tỉnh Quảng Bình cấp Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá số 7053 và số đăng ký tàu cá giữ nguyên số cũ là QB 93192 TS. Do đó, việc B từ chối không bồi thường số tiền bảo hiểm như Giấy chứng nhận đã cấp cho anh C là không đúng pháp luật. Việc nộp chậm phí bảo hiểm kỳ 2, theo anh H do tàu cá đã chuyển nhượng cho em trai là anh C và được Bảo Việt cấp lại Giấy chứng nhận bảo hiểm mới nên anh nghĩ mọi thủ tục phía B phải thông báo cho anh C, nhưng B lại không gửi thông báo thu phí kỳ 2 cho anh C, nên anh C không biết để nộp. Bản thân anh cũng không nhận được thông báo thu phí kỳ 2 do B Quảng Bình gửi, theo anh H thì nếu nhận được thông báo thu phí thì mặc dù tàu đã chuyển chủ nhưng vì là anh em trong gia đình nên anh cũng sẽ thông báo cho em trai là anh C nộp phí cho Bảo Việt theo quy định, nhằm để hưởng quyền lợi khi rủi ro xảy ra.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2019/DS-ST ngày 16 - 4 - 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 74, 84, 85, 87, 116, 117, 118, 119, 121, 134, 135, 137, 138, 140, 141, 357, 385, 398, 400, 401, 404, 405, 422, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Căn cứ vào các Điều 12, 13, 14, 15, 17, 18, 21, 23, 26, 28, 29, 30, 40, 41, 47 Luật kinh doanh bảo hiểm năm 2000, được sửa đổi, bổ sung năm 2010; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Phạm Ngọc C.

- Buộc bị đơn Tổng công ty Bảo hiểm B phải trả số tiền bảo hiểm tàu cá cho anh Phạm Ngọc C số tiền 3.000.000.000 đồng, theo nội dung Giấy chứng nhận bảo hiểm tàu cá số 363 ngày 20/9/2017 do Tổng công ty Bảo hiểm B cấp cho anh Phạm Ngọc C và khoản lãi chậm trả kể từ ngày phát sinh nghĩa vụ trả tiền bảo hiểm ngày 03/02/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm 16/4/2019 là 360.000.000 đồng; tổng cộng cả gốc và lãi là: 3.360.000.000 đồng, nhưng được trừ số tiền phí bảo hiểm thân tàu anh Phạm Ngọc C phải nộp tiếp kỳ 2 là 45.000.000 đồng; số tiền còn lại buộc Tổng công ty Bảo hiểm B phải trả cho anh Phạm Ngọc C là 3.315.000.000 đồng.

- Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Án phí: Nguyên đơn anh Phạm Ngọc C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp 23.000.000 đồng, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2017/0000821 ngày 20/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới.

- Bị đơn Tổng công ty Bảo hiểm B phải chịu 99.200.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Ngoài ra Bản án còn tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Trong hạn luật định, bị đơn Tổng Công ty Bảo hiểm B có đơn kháng cáo đề nghị hủy toàn bộ bản án sơ thẩm;

Bản án dân sự phúc thẩm số 26/2014/DS - PT ngày 18/10/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình quyết định: Căn cứ khoản 2 Điều 308 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Căn cứ các Điều 74, 84, 85, 87, 116, 117, 118, 119 121, 134, 135, 137, 138, 140, 141, 357, 385, 39, 400, 401, 404 405, 42, 468 của Bộ luật Dân sự. Căn cứ các Điều 12, 13, 14, 15, 17, 18, 21, 23, 26, 28, 29, 30, 40, 41, 47 Luật kinh doanh bảo hiểm năm 2000, được sửa đổi bổ sung năm 2010; Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 06/2019/DS-ST ngày 16/4/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Phạm Ngọc C.

Buộc bị đơn Tổng công ty Bảo hiểm B phải bồi thường số tiền bảo hiểm thân tàu cá cho anh Phạm Ngọc C số tiền 2.000.000.000 đồng nhưng được trừ vào phí bảo hiểm thân tàu anh Phạm Ngọc C phải nộp phí bảo hiểm kỳ 2 là 45.000.000 đồng. Số tiền còn lại Tổng công ty Bảo hiểm B bồi thường cho anh Phạm Ngọc C là 1.955.000.000 đồng và khoản lãi chậm trả là 235.106.649 đồng, tổng cộng hai khoản là 2.190.106.649 đồng.

Ngoài ra, Bản án còn quyết định về án phí, quyền và nghĩa vụ thi hành án.

Ngày 12/11/2019, bị đơn Tổng Công ty Bảo hiểm B có đơn đề nghị xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm đối với Bản án dân sự phúc thẩm số 26/2014/DS-PT ngày 18/10/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

Tại Quyết định số 07/2020/KN-DS ngày 10/12/2020, Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm đối với Bản án dân sự phúc thẩm số 26/2014/DS-PT ngày 18/10/2013 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình; đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử giám

độc thẩm hủy toàn bộ Bản án dân sự phúc thẩm số 26/2019/DS-PT ngày 18/10/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình; giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm, đúng quy định của pháp luật.

Quyết định giám đốc thẩm số 09/2021/DS – GĐT ngày 28/4/2021 của Tòa án cấp cao Đà Nẵng đã quyết định: Hủy toàn bộ Bản án dân sự phúc thẩm số 26/2019/DS- PT ngày 18/10/2019 của TAND tỉnh Quảng Bình, giao hồ sơ cho TAND tỉnh Quảng Bình giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn, các người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, đại diện bị đơn thay đổi nội dung kháng cáo, đề nghị sửa án sơ thẩm, bác đơn khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án, các đương sự và những người tham gia tố tụng khác đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự: Chấp nhận kháng cáo của bị đơn, sửa Bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới. Áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật TTDS 2015, Nghị quyết 326/2016: sửa bản sơ thẩm số 06/2019/DS – ST ngày 16/4/2019 của Tòa án TP Đồng Hới theo hướng chấp nhận kháng cáo của bị đơn, không chấp nhận khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Ngọc C buộc Tổng Công ty Bảo hiểm B phải trả số tiền 3 tỷ đồng và khoản lãi suất theo quy định của pháp luật; Buộc Chi cục THA dân sự quận Hoàn Kiếm trả lại cho Công ty Bảo hiểm B số tiền 75.502.132 đồng; Buộc ông Phạm Ngọc C phải trả lại cho Công ty Bảo hiểm B số tiền 2.190.106.649 đồng; Buộc ông Phạm Ngọc C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm theo quy định; Công ty Bảo hiểm B không phải chịu án phí phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật: Đây là tranh chấp hợp đồng bảo hiểm được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Toà án nhân dân thành phố Đồng Hới thụ lý giải quyết sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Theo các tài liệu có tại hồ sơ vụ án, lời trình bày của các bên đương sự, thì: Ngày 22/6/2017 B Quảng Bình với anh Phạm Ngọc H ký Hợp đồng bảo hiểm tàu cá QB -93192-TS và B đã cấp Giấy chứng nhận bảo hiểm tàu cá (thân tàu) số 363, số tiền được bảo hiểm là 3.000.000.000 đồng (ba tỷ đồng), phí bảo hiểm thân tàu là

90.000.000 đồng được thanh toán 02 kỳ (kỳ 01 thanh toán 50%: 45.000.000 đồng chậm nhất kể từ ngày có hiệu lực bảo hiểm, kỳ 02 thanh toán 50%: 45.000.000 đồng phí bảo hiểm còn lại sau 06 tháng (không quá 180 ngày) kể từ ngày có hiệu lực bảo hiểm), mức khấu trừ 2% số tiền bồi thường tổn thất; Giấy chứng nhận bảo hiểm tàu cá (06 thuyền viên) số 364, số tiền bảo hiểm thuyền viên 30.000.000 đồng/người/vụ, phí bảo hiểm là 2.700.000 đồng được thanh toán 100% chậm nhất kể từ ngày có hiệu lực bảo hiểm, tổng phí bảo hiểm hai khoản là 92.700.000đ. Hiệu lực của bảo hiểm là 01 năm kể từ ngày 22/6/2017 đến ngày 22/6/2018 (điều kiện bảo hiểm A). Thực hiện theo hợp đồng bảo hiểm, ngày 22/6/2017, anh H đã nộp tiền phí bảo hiểm kỳ 01 là 47.700.000đ (gồm phí bảo hiểm thân tàu 45.000.000 đồng và phí bảo hiểm 06 thuyền viên 2.700.000 đồng).

Ngày 05/9/2017, anh Phạm Ngọc H đã ký chuyển nhượng tàu cá nói trên cho em trai là Phạm Ngọc C và đến ngày 18/9/2017 Chi cục Thủy sản Quảng Bình cấp Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá số 7053 chủ tàu là Phạm Ngọc C, số đăng ký tàu cá giữ nguyên số cũ là QB -93192-TS. Ngày 20/9/2017 anh C được B Quảng Bình cấp Giấy chứng nhận bảo hiểm tàu cá số 363, có hiệu lực từ 8 giờ ngày 21/6/2017 đến 8 giờ ngày 21/6/2018, gồm hai nội dung: Bảo hiểm thân tàu, số tiền được bảo hiểm 3.000.000.000 đồng (theo thỏa thuận), phí bảo hiểm 90.000.000 đồng và bảo hiểm cho 07 thuyền viên số tiền được bảo hiểm 30.000.000 đồng/người/vụ, phí bảo hiểm là 3.150.000 đồng (điều kiện bảo hiểm A).

Vào hồi 9 giờ ngày 08/01/2018, tàu cá QB-93192-TS do anh C làm chủ tàu trên đường đánh bắt hải sản vùng biển ngoài khơi Việt Nam về đất liền để bán hải sản. Khi đến toạ độ $17^{\circ}49'00\text{N} + 106^{\circ}40'00\text{E}$, cách cửa sông G thuộc thị xã B, tỉnh Quảng Bình 10 hải lý thì bị tàu hàng H 86 Hải Phòng đâm chìm, bị mất hoàn toàn, nguyên nhân xảy ra va chạm là do tàu H 86 gây ra. Công ty cổ phần thương mại H đã thỏa thuận hỗ trợ cho anh C chủ tàu QB-93192-TS số tiền 1.240.000.000 đồng (trong đó có 01 tỷ đồng B Hải Phòng bồi thường tổn thất cho tàu H 86). Anh C yêu cầu B bồi thường số tiền bảo hiểm theo Giấy chứng nhận bảo hiểm mà B đã cấp cho anh C, có thể khẳng định có sự kiện thiệt hại xảy ra cho tàu cá của anh C.

[2.2] Như vậy tàu cá mang số hiệu QB-93192 -TS được chủ tàu cũ là anh H đã ký hợp đồng bảo hiểm và cấp Giấy chứng nhận bảo hiểm (thân tàu và thuyền viên), sau đó đã chuyển nhượng tàu cá trên cho anh C. Anh C không ký hợp đồng bảo hiểm nhưng được B cấp Giấy chứng nhận bảo hiểm (ghi nội dung bảo hiểm thân tàu và thuyền viên). Giá trị bảo hiểm thân tàu và mức phí bảo hiểm của hai giấy chứng nhận bảo hiểm đều như nhau. Thời hạn nộp phí bảo hiểm giữa B và anh H được ghi cụ thể trong Hợp đồng bảo hiểm. Thời hạn nộp phí bảo hiểm giữa B và anh C không ghi trong Giấy chứng nhận bảo hiểm cấp cho anh C và hai bên không ký kết hoặc thỏa thuận nội dung nào khác; Hiệu lực của bảo hiểm giữa B và anh H được ghi trong hợp đồng và giấy chứng nhận từ ngày 22/6/2017 đến ngày 22/6/2018; Hiệu lực của bảo hiểm giữa B và anh C được ghi trong giấy chứng nhận bảo hiểm từ ngày 21/6/2017

đến 21/6/2018. Về bảo hiểm thuyền viên: Bảo hiểm giữa B và anh H ghi bảo hiểm cho 06 thuyền viên, mức phí bảo hiểm 2.700.000 đồng; bảo hiểm giữa B và anh C ghi bảo hiểm cho 07 thuyền viên, mức phí bảo hiểm là 3.150.000 đồng. Như vậy, trong cùng 01 thời gian có 02 Giấy chứng nhận bảo hiểm của B cho 01 con tàu.

[3] Xét việc ký kết và thực hiện hợp đồng bảo hiểm, cấp Giấy chứng nhận bảo hiểm giữa B cho tàu cá mang số hiệu QB-93192 -TS:

Nguyên đơn ông Phạm Ngọc C cho rằng khi nhận chuyển nhượng tàu cá từ anh H thì cũng được anh H chuyển toàn bộ giấy tờ bảo hiểm nên nguyên đơn được hưởng quyền lợi bảo hiểm. Theo bị đơn, thì anh H chuyển nhượng tàu cá, cũng như chuyển nhượng hợp đồng bảo hiểm cho anh C nhưng không thông báo cho bị đơn biết bằng văn bản. Tại khoản 2 Điều 26 của Luật kinh doanh bảo hiểm quy định: *“Việc chuyển nhượng hợp đồng bảo hiểm chỉ có hiệu lực trong trường hợp bên mua bảo hiểm thông báo bằng văn bản cho doanh nghiệp bảo hiểm về việc chuyển nhượng và doanh nghiệp bảo hiểm có văn bản chấp thuận việc chuyển nhượng đó, trừ trường hợp việc chuyển nhượng được thực hiện theo tập quán quốc tế”*.

Tuy nhiên, đối với bảo hiểm thuyền viên, do anh C đã đóng đủ phí nên bị đơn đồng ý, giải quyết phần bảo hiểm đối với thuyền viên. Đối với bảo hiểm thân tàu, theo ông Hồ Quang H (là đại lý bảo hiểm) trình bày: Sau khoảng 03 ngày tàu cá có số đăng ký QB – 93192 – TS xảy ra tai nạn, ông Phạm Ngọc C nộp cho Cảng vụ Cảng G Hợp đồng bảo hiểm và Giấy chứng nhận bảo hiểm mang tên ông Phạm Ngọc H để làm thủ tục yêu cầu tàu H 86 bồi thường. Do tên trong Hợp đồng bảo hiểm và giấy chứng nhận bảo hiểm không đúng với tên trong Giấy chứng nhận chủ tàu nên Cảng vụ yêu cầu làm lại. Sau khoảng 1 tuần vụ tai nạn xảy ra, vợ chồng bà D bố mẹ ông H và ông C đến nhà gặp ông H để xin cấp giấy chứng nhận bảo hiểm mang tên ông C.

Ông H tự ý viết lại giấy chứng nhận mang tên ông Phạm Ngọc C, ghi lùi ngày cấp là 20/9/2017, có chữ ký không chỉ và dấu của B Quảng Bình nhưng không báo cáo Tổng Công ty B. Do đó, thấy ý chí của ông H khi xác lập giao dịch là giả tạo.

Theo bị đơn, ông H thừa nhận làm sai quy trình là Giấy không chỉ chỉ được sử dụng khi chủ tàu nộp phí bảo hiểm, phía Công ty sẽ gọi điện cho ông H thì ông H mới được cấp Giấy chứng nhận bảo hiểm cho chủ tàu, Công ty bảo hiểm không thừa nhận việc ghi lùi ngày của đại lý, việc ghi như vậy là bất hợp pháp nên không được bảo hiểm; về phía nguyên đơn, không thừa nhận việc ông H ghi lùi ngày mà khai ghi đúng ngày. Xét thấy, kể cả trường hợp Giấy chứng nhận trên là hợp lệ, ghi đúng ngày, coi như ông C là người kế thừa bên mua bảo hiểm. Tại khoản 2 Điều 23 của Luật Kinh doanh bảo hiểm quy định: *trường hợp bên mua bảo hiểm không đóng phí bảo hiểm hoặc không đóng phí bảo hiểm theo thời hạn thỏa thuận trong hợp đồng bảo hiểm, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác, thì chấm dứt hợp đồng*, theo thỏa thuận trong Hợp đồng bảo hiểm mà các bên giao kết, thì ngày 22/12/2017 là ngày cuối cùng phải thanh toán phí bảo hiểm kỳ 2, trường hợp đến thời hạn thanh toán phí

bảo hiểm mà chủ tàu không thanh toán đúng thời hạn thì hợp đồng bảo hiểm mặc nhiên chấm dứt hiệu lực bảo hiểm và Giấy chứng nhận nhận bảo hiểm không còn giá trị (trừ trường hợp được Bảo Việt đồng ý bằng văn bản).

Ngoài ra, tại mục a điểm 2 Điều 13 của Quy tắc bảo hiểm tàu cá do Tổng công ty Bảo hiểm Việt Nam ban hành theo Quyết định số 5373/QĐ-BHBV ngày 16/11/2016 mà các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng bảo hiểm tàu cá đối với phạm vi bảo hiểm thân tàu (mục 1 phần 1 Điều 2) cũng quy định: *“Trong trường hợp mặc dù Bảo Việt đã chấp nhận bảo hiểm và đã cấp giấy chứng nhận bảo hiểm hoặc giấy sửa đổi bổ sung (nếu có) cho Người được bảo hiểm, hiệu lực của tàu sẽ tự động chấm dứt ngay sau khi phát sinh một trong những trường sau: a) Người được bảo hiểm không thanh toán phí bảo hiểm đầy đủ và đúng hạn theo quy định tại điểm 2 Điều 17 của Quy tắc này (trừ khi có thỏa thuận khác bằng văn bản)”*.

Vì vậy, việc ông C không đóng phí bảo hiểm đúng thời hạn trong hợp đồng nêu trên nên hợp đồng bảo hiểm mặc nhiên chấm dứt và giấy chứng nhận bảo hiểm không còn giá trị và không phát sinh trách nhiệm bồi thường của Tổng công ty B. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Ngọc C là không có căn cứ.

[4] Sau khi bản án phúc thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình bị cấp Giám đốc thẩm hủy, theo văn bản số 357/TB-CCTHADS ngày 16/6/2021 về Thông báo thi hành án của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, hiện Công ty Bảo hiểm B đã thi hành xong các khoản thi hành án (cả chủ động và yêu cầu) trong đó:

Khoản án phí DSST: 75.502.132 đồng công ty bảo hiểm B đã nộp tại biên lai thu tiền số 103 ngày 10/3/2020 của Chi cục THA dân sự quận Hoàn Kiếm.

Khoản tiền 2.190.106.649 đồng ngày 20/5/2020 Tổng Công ty B đã tự nguyện bồi thường cho anh Phạm Ngọc C tại biên lai thu tiền số 5753 ngày 20/5/2020 và Chi cục THA quận Hoàn Kiếm đã tiến hành chi trả cho anh Phạm Ngọc C số tiền nêu trên tại ủy nhiệm chi số 57 ngày 04/6/2020 Chi cục THA dân sự quận Hoàn Kiếm.

Vì vậy, trong vụ án này cần giải quyết hậu quả của việc thi hành án, Chi cục Thi hành án dân sự quận Hoàn Kiếm trả lại số tiền 75.502.132 đồng mà Tổng Công ty bảo hiểm B đã nộp tại biên lai thu tiền số 103 ngày 10/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hoàn Kiếm. Buộc ông Phạm Ngọc C trả lại cho Tổng Công ty Bảo hiểm B số tiền 2.190.106.649 đ mà Công ty B đã nộp tại biên lai thu tiền 5753 ngày 20/5/2020 và Chi cục THA dân sự quận Hoàn Kiếm đã chi trả cho anh Phạm Ngọc C số tiền trên tại ủy nhiệm chi số 57 ngày 04/6/2020 của Chi cục THA dân sự quận Hoàn Kiếm.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm đối với yêu cầu 3.000.000.000 đồng, tuy nhiên nguyên đơn có đơn xin miễn giảm án phí có xác nhận của chính quyền địa phương

về hoàn cảnh gia đình khó khăn nên cần xét giảm 50% mức án phí mà nguyên đơn phải chịu và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm mà nguyên đơn đã nộp;

Bị đơn Tổng Công ty Bảo hiểm B không phải chịu án phí phúc thẩm do kháng cáo được chấp nhận .

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự; Sửa toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2019/DSST ngày 16 - 4 - 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

Áp dụng các Điều 74, 84, 85, 87, 116, 117, 118, 119, 121, 134, 135, 137, 138, 140, 141, 357, 385, 398, 400, 401, 404, 405, 422, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 12, 13, 14, 15, 17, 18, 21, 23, 26, 28, 29, 30, 40, 41, 46, 47 Luật kinh doanh bảo hiểm năm 2000, được sửa đổi, bổ sung năm 2010,

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Phạm Ngọc C về việc yêu cầu bị đơn Tổng công ty Bảo hiểm B phải bồi thường tiền bảo hiểm thân tàu cá cho anh Phạm Ngọc C số tiền 3.000.000.000 đồng (ba tỷ đồng) và tiền lãi theo quy định pháp luật.

2. Án phí:

Nguyên đơn anh Phạm Ngọc C phải chịu 46.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 23.000.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2017/0000821 ngày 20/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới, nguyên đơn anh Phạm Ngọc C phải nộp 23.000.000 đồng án phí sơ thẩm.

Bị đơn Tổng công ty Bảo hiểm B không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, được nhận lại số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng tại biên lai thu tiền số AA/2017/0005285 ngày 15/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới.

3. Về giải quyết hậu quả thi hành án theo thông báo thi hành án số 357/TB-CCTHADS ngày 16/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Tổng công ty Bảo hiểm B được nhận lại số tiền 75.502.132 đồng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

theo Biên lai thu tiền số 103 ngày 10/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Buộc ông Phạm Ngọc C phải trả lại cho Tổng Công ty Bảo hiểm B số tiền 2.190.106.649 đồng do Tổng Công ty Bảo hiểm B đã nộp tại Biên lai thu tiền số 5753 ngày 20/5/2020, được Chi cục thi hành án dân sự quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội chi trả cho ông Phạm Ngọc C theo Ủy nhiệm chi số 57 ngày 04/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 29/10/2021).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TANDCC tại Đà Nẵng;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- TAND thành phố Đồng Hới;
- Chi cục THADS thành phố Đồng Hới;
- Chi cục THADS quận Hoàn Kiếm, Hà Nội;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

(đã ký)

Trần Đức Long